

Số: 979/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 01 (một) phân bón lưu hành tại Việt Nam (*Danh sách kèm theo*) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP

Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3825 6258

Fax: 028 3825 6269

Mã số doanh nghiệp: 0303165480

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2023 đến ngày 27 tháng 4 năm 2028.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PB.



Huỳnh Tấn Đạt

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 979/QĐ-BVTV-PB ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón(*)	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân amoni sulphat (phân SA)	Ammonium Sulphate Fertilizer PM ⁺	27912	<p align="center">THỰC VẬT Chỉ tiêu chất lượng</p> <p>Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lưu huỳnh (S): 23%; Axit tự do (quy về H₂SO₄): 1%; Độ ẩm: 1%.</p>	Bón rải ^(b,h,v)	<p>1. Cây lương thực (lúa, ngô/bắp, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mì):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón lót: 50-200 kg/ha tương đương 2,5-10 kg/sào (500m²) hoặc 1,8-7,2 kg/sào (360m²); - Bón thúc: 50-300 kg/ha/vụ tương đương 2,5-15 kg/sào (500m²)/vụ hoặc 1,8-10,8 kg/sào (360m²)/vụ. <p>2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè/trà, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón lót: 50-500 kg/ha tương đương 2,5-25 kg/sào (500m²) hoặc 1,8-18 kg/sào (360m²); - Bón thúc: 50-800 kg/ha/vụ tương đương 2,5-40 kg sào (500m²)/vụ hoặc 1,8-28,8 kg/sào (360m²)/vụ. <p>3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na/mãng cầu ta, dứa, chuối):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón lót: 50-500 kg/ha tương đương 2,5-25 kg/sào (500m²) hoặc 1,8-18 kg/sào (360m²); - Bón thúc: 50-800 kg/ha/vụ tương đương 2,5-40 kg/sào (500m²)/vụ hoặc 1,8-28,8 kg/sào (360m²)/vụ. <p>4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, tỏi, ớt, xà lách):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón lót: 50-200 kg/ha tương đương 2,5-10 kg/sào (500m²) hoặc 1,8-7,2 kg/sào (360m²); - Bón thúc: 50-300 kg/ha/vụ tương đương 2,5-15 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						kg/sào (500m ²)/vụ hoặc 1,8-10,8 kg/sào (360m ²)/vụ.	
--	--	--	--	--	--	---	--

Ghi chú: (*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;
(**) Viết tắt dạng phân bón: ^(b) - dạng bột; ^(h) - dạng hạt; ^(v) - dạng viên.